**504077\_MẪU THIẾT KẾ**

**BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

**BÀI TẬP LỚN – HỌC KỲ II/2023-2024**

**DANH SÁCH NHÓM**

1. Họ tên: Nguyễn Triệu Vi Mã số: 52100143
2. Họ tên: Nguyễn Đăng Huy Vũ Mã số: 52100144
3. Họ tên: Lương Mai Thanh Khôi Mã số: 52100050

**BẢNG ĐÁNH GIÁ**

| **Nội dung**  **tiêu chí** | | | **Thang**  **đánh giá** | | | **1** | | | **2** | | | **3** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm/10** | | | **0đ** | | | **1/2đ** | | | **1/2 đến trọn** | | |
| Áp dụng pattern | | | 1 điểm/pattern và tối đa 9 điểm.  Với mỗi pattern áp dụng được sẽ tính điểm trên 3 thang đo nhỏ bên dưới (một pattern có thể áp dụng nhiều lần trong project nhưng chỉ tính điểm 1 lần và tối đa 1.0 điểm)  Chỉ được áp dụng tối đa 03 pattern ngoài các pattern được học trên lớp. | | | | | | | | | | | |
| 1. Factory Pattern | | | | | | | | | | | | | | |
| Lý do áp  dụng pattern | | | 0.4đ | | | Không có hoặc không hợp lý hoặc gượng ép hoặc không có trong báo cáo | | | Có nhưng chưa thể  hiện rõ | | | Rõ ràng, hợp lý | | |
| Sơ đồ lớp | | | 0.3đ | | | Không có hoặc vẽ sai, vẽ không hợp lý hoặc không có trong báo cáo | | | Vẽ hợp lý cho bài toán nhưng còn có điểm sai trong sơ đồ | | | Sơ đồ đúng, hợp lý | | |
| Code áp dụng  pattern | | | 0.3đ | | | Không có hoặc code sai hoặc code bị lỗi hoặc không có trong  báo cáo | | | Có code nhưng chưa  đủ pattern hoặc sai  phần nhỏ | | | Code đúng | | |
| 1. State Pattern | | | | | | | | | | | | | | |
| Lý do áp  dụng pattern | | | 0.4đ | | | Không có hoặc không hợp lý hoặc gượng ép hoặc không có trong báo cáo | | | Có nhưng chưa thể  hiện rõ | | | Rõ ràng, hợp lý | | |
| Sơ đồ lớp | | | 0.3đ | | | Không có hoặc vẽ sai, vẽ không hợp lý hoặc không có trong báo cáo | | | Vẽ hợp lý cho bài toán nhưng còn có điểm sai trong sơ đồ | | | Sơ đồ đúng, hợp lý | | |
| Code áp dụng  pattern | | | 0.3đ | | | Không có hoặc code sai hoặc code bị lỗi hoặc không có trong  báo cáo | | | Có code nhưng chưa  đủ pattern hoặc sai  phần nhỏ | | | Code đúng | | |
| 1. Singleton Pattern | | | | | | | | | | | | | | |
| Lý do áp  dụng pattern | | | 0.4đ | | | Không có hoặc không hợp lý hoặc gượng ép hoặc không có trong báo cáo | | | Có nhưng chưa thể  hiện rõ | | | Rõ ràng, hợp lý | | |
| Sơ đồ lớp | | | 0.3đ | | | Không có hoặc vẽ sai, vẽ không hợp lý hoặc không có trong báo cáo | | | Vẽ hợp lý cho bài toán nhưng còn có điểm sai trong sơ đồ | | | Sơ đồ đúng, hợp lý | | |
| Code áp dụng  pattern | | | 0.3đ | | | Không có hoặc code sai hoặc code bị lỗi hoặc không có trong  báo cáo | | | Có code nhưng chưa  đủ pattern hoặc sai  phần nhỏ | | | Code đúng | | |
| 1. Proxy Pattern | | | | | | | | | | | | | | |
| Lý do áp  dụng pattern | | | 0.4đ | | | Không có hoặc không hợp lý hoặc gượng ép hoặc không có trong báo cáo | | | Có nhưng chưa thể  hiện rõ | | | Rõ ràng, hợp lý | | |
| Sơ đồ lớp | | | 0.3đ | | | Không có hoặc vẽ sai, vẽ không hợp lý hoặc không có trong báo cáo | | | Vẽ hợp lý cho bài toán nhưng còn có điểm sai trong sơ đồ | | | Sơ đồ đúng, hợp lý | | |
| Code áp dụng  pattern | | | 0.3đ | | | Không có hoặc code sai hoặc code bị lỗi hoặc không có trong  báo cáo | | | Có code nhưng chưa  đủ pattern hoặc sai  phần nhỏ | | | Code đúng | | |
| 1. Proxy Pattern | | | | | | | | | | | | | | |
| Lý do áp  dụng pattern | | | 0.4đ | | | Không có hoặc không hợp lý hoặc gượng ép hoặc không có trong báo cáo | | | Có nhưng chưa thể  hiện rõ | | | Rõ ràng, hợp lý | | |
| Sơ đồ lớp | | | 0.3đ | | | Không có hoặc vẽ sai, vẽ không hợp lý hoặc không có trong báo cáo | | | Vẽ hợp lý cho bài toán nhưng còn có điểm sai trong sơ đồ | | | Sơ đồ đúng, hợp lý | | |
| Code áp dụng  pattern | | | 0.3đ | | | Không có hoặc code sai hoặc code bị lỗi hoặc không có trong  báo cáo | | | Có code nhưng chưa  đủ pattern hoặc sai  phần nhỏ | | | Code đúng | | |
| 1. Strategy Pattern | | | | | | | | | | | | | | |
| Lý do áp  dụng pattern | | | 0.4đ | | | Không có hoặc không hợp lý hoặc gượng ép hoặc không có trong báo cáo | | | Có nhưng chưa thể  hiện rõ | | | Rõ ràng, hợp lý | | |
| Sơ đồ lớp | | | 0.3đ | | | Không có hoặc vẽ sai, vẽ không hợp lý hoặc không có trong báo cáo | | | Vẽ hợp lý cho bài toán nhưng còn có điểm sai trong sơ đồ | | | Sơ đồ đúng, hợp lý | | |
| Code áp dụng  pattern | | | 0.3đ | | | Không có hoặc code sai hoặc code bị lỗi hoặc không có trong  báo cáo | | | Có code nhưng chưa  đủ pattern hoặc sai  phần nhỏ | | | Code đúng | | |
| 1. Template Method Pattern | | | | | | | | | | | | | | |
| Lý do áp  dụng pattern | | | 0.4đ | | | Không có hoặc không hợp lý hoặc gượng ép hoặc không có trong báo cáo | | | Có nhưng chưa thể  hiện rõ | | | Rõ ràng, hợp lý | | |
| Sơ đồ lớp | | | 0.3đ | | | Không có hoặc vẽ sai, vẽ không hợp lý hoặc không có trong báo cáo | | | Vẽ hợp lý cho bài toán nhưng còn có điểm sai trong sơ đồ | | | Sơ đồ đúng, hợp lý | | |
| Code áp dụng  pattern | | | 0.3đ | | | Không có hoặc code sai hoặc code bị lỗi hoặc không có trong  báo cáo | | | Có code nhưng chưa  đủ pattern hoặc sai  phần nhỏ | | | Code đúng | | |
| 1. ObserPattern | | | | | | | | | | | | | | |
| Lý do áp  dụng pattern | | | 0.4đ | | | Không có hoặc không hợp lý hoặc gượng ép hoặc không có trong báo cáo | | | Có nhưng chưa thể  hiện rõ | | | Rõ ràng, hợp lý | | |
| Sơ đồ lớp | | | 0.3đ | | | Không có hoặc vẽ sai, vẽ không hợp lý hoặc không có trong báo cáo | | | Vẽ hợp lý cho bài toán nhưng còn có điểm sai trong sơ đồ | | | Sơ đồ đúng, hợp lý | | |
| Code áp dụng  pattern | | | 0đ | | | Không có hoặc code sai hoặc code bị lỗi hoặc không có trong  báo cáo | | | Có code nhưng chưa  đủ pattern hoặc sai  phần nhỏ | | | Code đúng | | |
| Báo cáo | | | | | 1đ | | | | |  | | | | |
| **Tổng điểm** | | | **điểm** | | | 8.7 | | |  | | |  | | |

**BẢNG PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC**

| **Thành viên** | **Công việc** | **Mức độ hoàn thành** |
| --- | --- | --- |
| Nguyễn Triệu Vi | State Pattern, Strategy Pattern, Factory Pattern, Báo cáo | 100% |
| Lương Mai Thanh Khôi | Singleton Pattern,Template Method Pattern, Báo cáo | 100% |
| Nguyễn Đăng Huy Vũ | Command Pattern, Proxy Pattern, Báo cáo | 100% |